

NGHIÊN CỨU HỌC TẬP CHUYỂN ĐỔI TRONG CÁC MÔ HÌNH SINH KẾ BỀN VỮNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trần Đức Tuấn¹ và Vũ Thị Hồng Ngọc²

¹*Viện Nghiên cứu & Giáo dục Phát triển Bền vững (IRESD),*

²*Khoa Cơ bản, Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương*

Tóm tắt. Trong thời đại toàn cầu hóa và biến đổi khí hậu toàn cầu, khi phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu tối cao của thế giới hiện đại thì học tập chuyển đổi được xem là một trong những động lực và công cụ hữu hiệu nhất để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi nông nghiệp bền vững nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt ở những nơi nông nghiệp là ngành chủ đạo nhưng bị tác động và tổn thương nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu (BĐKH) như ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) của Việt Nam. Bài báo này đề cập đến bối cảnh, lí do ra đời và những nội dung cốt yếu của dự án quốc tế về T-learning và tập trung trình bày những hoạt động và kết quả nghiên cứu quan trọng mà đề tài nghiên cứu học tập chuyển đổi ở ĐBSCL với tư cách là một trong 9 trường hợp nghiên cứu (case study) của dự án quốc tế ISSC về T-learning đã thực hiện và đạt được.

Từ khóa: Học tập chuyển đổi, biến đổi khí hậu, sinh kế bền vững, chuyển đổi nông nghiệp bền vững, mô hình VACB, đồng bằng sông Cửu Long.

1. Mở đầu

Trong thời đại của nóng, phẳng, chặt, khi biến đổi khí hậu và bùng nổ dân số đang là những vấn đề nhức nhối của thế giới toàn cầu thì phát triển bền vững trở thành mục tiêu tối cao loài người phải đạt tới, là con đường tất yếu mà thế giới hiện đại đi theo và là mệnh lệnh và triết lí sống mà mỗi công dân toàn cầu phải thực hiện. Để phát triển bền vững thì bên cạnh sự đổi mới và chuyển hóa về thể chế và công nghệ thì sự đổi mới và chuyển hóa về nhận thức và lối sống của các cá nhân và cộng đồng theo hướng phát triển bền vững là đòi hỏi bắt buộc, bởi vì học tập có thể đưa đến sự phát triển của xã hội con người và tạo nên sự chuyển hóa của xã hội (Engelström and Sannirng 2010). Vì vậy, nhu cầu phát triển các quá trình chuyển hóa lấy học tập làm trung tâm mà ở đó học tập chuyển hóa (Tiếng Anh là transformative learning hay T-learning) đóng một vai trò chủ chốt trong quá trình chuyển hóa vì mục tiêu phát triển bền vững (transformation for sustainability) ngày càng gia tăng. Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (BĐKH) cũng nhấn mạnh

Ngày nhận bài: 19/1/2019. Ngày sửa bài: 29/3/2019. Ngày nhận đăng: 12/4/2019.

Tác giả liên hệ: Trần Đức Tuấn. Địa chỉ e-mail: tranductuan.iresd@gmail.com

đến sự cần thiết phải áp dụng các tiếp cận lấy học tập làm trung tâm để ứng phó với biến đổi khí hậu (Future Earth, IPCC 2014, Wals 2007).

Tuy nhiên, cho đến nay người ta còn biết chưa nhiều và đầy đủ về các quá trình và các kiểu học tập chuyển đổi, đặc biệt là học tập chuyển đổi diễn ra ở những nơi mà các “vấn đề tồi tệ” (wicked problems) *tồn tại trong các chuỗi các mối quan hệ “khí hậu-nước-lương thực- năng lượng- công bằng xã hội”* (Tiếng Anh là climate-water-food-energy- social justice nexus). Vì vậy, sẽ là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc nếu các nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn quan tâm và tìm ra được những lời giải đáp thỏa *đáng cho các câu hỏi quan trọng sau đây* : (1) Học tập chuyển đổi cần được hiểu và cần được tổ chức như thế nào ở những nơi một mặt bị tác động mạnh và dễ bị tổn thương bởi BĐKH, mặt khác đang trong quá trình chuyển đổi để phát triển bền vững về xã hội và sinh thái?; (2) Học tập chuyển đổi có vai trò và đóng góp như thế nào đối với các quá trình chuyển đổi kinh tế-xã hội sang phát triển bền vững (gọi tắt là chuyển đổi và chuyển hóa bền vững) ở những nơi mà “những vấn đề tồi tệ” nảy sinh và thể hiện rõ nét tại các chuỗi các mối quan hệ “Khí hậu - Nước - Lương thực - Năng lượng - Công bằng Xã hội”?; (3) Làm thế nào để học tập chuyển đổi xuất hiện, mở rộng và phát triển một cách bền vững để trở thành một động lực thực sự thúc đẩy và tăng cường các quá trình chuyển hóa bền vững ở các mức độ và trong các điều kiện, hoàn cảnh khác nhau trên thế giới? (Heila, Tran Duc Tuan and at al, 2017).

Những cố gắng và nỗ lực riêng của các cá nhân hay tổ chức nghiên cứu trong một quốc gia không có khả năng giải đáp được các câu hỏi và vấn đề rộng lớn nêu trên liên quan đến vai trò và đóng góp của học tập chuyển đổi trong thời đại BĐKH. Vì vậy, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu học tập chuyển đổi ở những lãnh thổ khác nhau trên thế giới nơi mà BĐKH đã, đang và sẽ tác động mạnh là hết sức cần thiết và không thể trì hoãn được. Theo sáng kiến của Trường Đại học Tổng hợp Rhodes, Cộng hòa Nam Phi một mạng lưới trao đổi kiến thức chuyển hóa (Transformation Knowledge Networking, gọi tắt là mạng lưới TKN) và một tập thể nghiên cứu quốc tế (research consortium) bao gồm các nhà nghiên cứu các tổ chức khác nhau (hàn lâm, xã hội dân sự và khu vực công cộng) từ 9 nước là Nam Phi, Ethiopia, Zimbabwe, Việt Nam, Ấn Độ, Thụy Điển, Hà Lan và Columbia đã được thành lập để thực hiện dự án mang tên “*Transgressive Social Learning for Social-Ecological Sustainability in Times of Climate Change (T-Learning)*” (gọi tắt là Dự án ISSC về T-learning). Dự án nghiên cứu do mạng lưới TKN đề xuất và đã được ISSC (International Social Science Committee) của UNESCO Paris chấp nhận và tài trợ để thực hiện trong 3 năm (từ giữa 2016 đến đầu 2019). *Mục đích của việc nghiên cứu những vấn đề quan trọng nói trên là làm sáng tỏ sự xuất hiện, thực trạng và chất lượng của các quá trình học tập chuyển đổi cũng như vai trò và đóng góp của chúng đối với sự chuyển hóa bền vững tại các chuỗi mới quan hệ “Khí hậu-Nước-Lương thực-Năng lượng-Công bằng Xã hội”?* trong các môi trường ở cấp cơ sở ở 9 nước tham gia dự án. Dự án mong muốn phát hiện ra các *hoạt động tế bào mầm mang tính bền vững của học tập chuyển đổi*, đồng thời luận giải và minh chứng tiềm năng và hiệu quả của chúng đối với học tập chuyển đổi ở các nước chịu nhiều tác động của BĐKH (Lotz-Sisitka H.B, Tran Duc Tuan and at al 2016)

ĐBSCL là nơi sản xuất lương thực và thực phẩm lớn nhất và quan trọng nhất của cả nước nhưng lại là nơi nông nghiệp được đánh giá là phát triển không bền vững, không

thân thiện với môi trường và sẽ bị tổn thương và thiệt hại nhiều nhất do BĐKH đem lại. Trước những thách thức của phát triển nông nghiệp bền vững và ứng phó với BĐKH, người dân ở ĐBSCL, trước hết là người nông dân buộc phải chuyển đổi từ mô hình sinh kế truyền thống gây ô nhiễm môi trường và dễ bị tổn thương bởi BĐKH sang các mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững BĐKH. Ở ĐBSCL quá trình này gắn bó một cách mật thiết với các quá trình học tập cộng đồng và học tập xã hội của người dân địa phương. Tuy nhiên, cho đến nay cộng đồng nhà khoa học và người dân ở Việt Nam và ĐBSCL còn chưa hiểu rõ và chưa có lời giải đáp thỏa đáng cho các câu hỏi quan trọng như: liệu học tập xã hội, học tập cộng đồng có khả năng giúp cho người dân tiếp cận và áp dụng thành công những mô hình sinh kế mới thích hợp với BĐKH không? Người dân cần tham gia vào các quá trình học tập chuyển đổi nào và cần thực hiện học tập chuyển đổi như thế nào để áp dụng và duy trì có hiệu quả các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH? Tham gia vào quá trình học tập chuyển đổi người nông dân sẽ có được những thay đổi và chuyển đổi có giá trị gì về nhận thức, quan điểm, tư duy, giá trị, lòng tin và lối sống?

Những câu hỏi nêu trên cũng là những vấn đề mà đề tài “*Nghiên cứu học tập chuyển đổi vì sự bền vững về sinh thái và xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở ĐBSCL*” quan tâm tìm hiểu và mong muốn làm sáng tỏ. Với tư cách là một trong 9 trường hợp nghiên cứu điển hình (case studies) của Dự án quốc tế về T-learning của ISSC, đề tài nghiên cứu học tập chuyển đổi ở ĐBSCL đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu lý thuyết và khảo sát-điều tra thực tế về học tập chuyển đổi trong các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH như mô hình VACB ở Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang, mô hình nông nghiệp sinh thái ở Bến Tre, Đồng Tháp và Cà Mau, các mô hình sinh kế bền vững trong Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang và đã thu được một số kết quả và phát hiện quan trọng mà một phần trong số đó sẽ được chúng tôi trình bày ở phần sau của bài báo này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những thách thức đối với việc nghiên cứu học tập chuyển hóa

Ngay từ những năm 60 của thế kỉ XX, sự thay đổi hành vi và xã hội đã được đề cập và luận giải trong công trình nghiên cứu mang tên *Silent Spring* của Rachel Carten nhưng nó diễn ra như thế nào trong quá trình học tập thì vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Tuy nhiên, cho đến nay giới khoa học xã hội -sinh thái vẫn chưa cắt nghĩa và luận giải một cách đầy đủ và sâu sắc về vai trò và khả năng đóng góp của T-learning trong việc giải quyết các “*vấn đề tồi tệ*” (wicked problems) xuất hiện các chuỗi quan hệ “*lượng thực - nước - năng lượng - khí hậu - công bằng xã hội*” (Kronlid 2014, Lotz-Sistka at al.2012, McGarry 2014, Mukute 2010, Wals 2007). Cộng đồng khoa học thế giới cho rằng các vấn đề nêu trên cần được hiểu và giải quyết thông qua các quan điểm xuyên ngành với việc tham gia của nhiều tổ chức và chủ thể hoạt động ở các cấp khác nhau. Tuy nhiên, điều này không dễ thực hiện khi quan điểm nghiên cứu ngành vẫn còn tiếp tục thống trị ở nhiều nơi trên thế giới. Yêu cầu đặt ra là cần tiếp tục nghiên cứu để tổ chức thành công các quá trình chuyển hóa vì sự phát triển bền vững ở những nơi đã và đang bị tác động tiêu cực bởi biến đổi khí hậu để người dân ở những nơi này có cơ hội học được cách mở rộng tầm nhìn và có khả năng tư duy vượt qua các ranh giới, các thói quen cố hữu và các qui tắc trói buộc con người để tạo nên các hình thức hoạt động và hệ thống xã hội mới, bền vững hơn và công bằng hơn. Đây thực sự là một thách thức không nhỏ đối các nhà

ngiên cứu học tập chuyển hóa vì sự bền vững về sinh thái và xã hội trong thời đại biến đổi khí hậu toàn cầu.

Các nhà nghiên cứu về chuyển đổi đã phát hiện ra rằng quá trình chuyển đổi và chuyển hóa hướng tới sự phát triển bền vững (Tiếng Anh là transformation and transgression to sustainability, viết tắt T2S) thường diễn ra tại các điểm “hốc” ở cấp địa phương, nơi xuất hiện các mối quan tâm của người dân địa phương về chuỗi các nhân tố tạo nên một loạt những thay đổi như chuỗi “khí hậu-nước-lương thực-năng lượng và công bằng xã hội. Cũng chính tại các “hốc” ở cấp cơ sở, sự chuyển đổi sẽ xuất hiện và vận hành với những thay đổi căn bản về mặt xã hội và thể chế. Những đổi mới cấp tiến tại các “hốc” thường do nhà hoạt động chuyên nghiệp tạo nên vì họ là những người kiến tạo và nuôi dưỡng các cấu trúc và các quá trình phát triển có các phạm vi khác nhau để xây dựng một cấu hình mới. Cấu hình học tập này được vận hành với các quá trình học tập thông qua thương thảo và học tập người khác cách thức tạo nên sự chuyển đổi cấp tiến ở tại cơ sở (Barth M., Michelsen G., 2013; Blackmore C. et al., 2011; Krasny M.E and Tidball K.G., 2012; Sol J. and Wals A.E.J., 2014; Swilling M., 2013). Trong khi những điều nêu trên được công nhận thì trên thực tế vẫn còn thiếu vắng những giải thích rõ ràng về các kiểu và các quá trình học tập chuyển đổi mà nó có khả năng thúc đẩy các đổi mới cấp tiến ở các “hốc” ở cấp địa phương. Đây được xem là thách thức thứ hai đối với tập thể nghiên cứu quốc tế trong dự án của ISSC về T-learning.

Trong khi khẳng định tầm quan trọng của việc tham gia vào các quá trình học tập chuyển đổi và chuyển hóa, IPCC cho rằng các tổ chức ở địa phương có vai trò quan trọng đối với việc người dân tham gia để ứng phó với biến đổi khí hậu. Các tiếp cận đối thoại, tham gia và thảo luận dân chủ được người dân thực hiện trên thực tế là hữu dụng và quan trọng để đưa các nhóm người dân và tổ chức khác nhau cùng nhau làm việc nhằm hiện thực hóa các mô hình phát triển bền vững mang tính chuyển đổi. Mặc dù thừa nhận tầm quan trọng của các tiếp cận tham gia và thảo luận đối với học tập và thay đổi xã hội (Barth M., Michelsen G., 2013; Blackmore C. et al., 2011; Krasny M.E and Tidball K.G., 2012; Sol J. and Wals A.E.J., 2014; Swilling M., 2013), IPCC cho rằng các kết quả của các quá trình như vậy thường bị “trộn lẫn” với nhau và cần phải tiếp tục nghiên cứu.

Ngoài các thách thức nêu trên, các nhà nghiên cứu của Mạng lưới Kiến thức Chuyển đổi (TKN Network) còn phải đáp ứng với một đòi hỏi khác nữa là phải tìm ra cho được phát hiệncác hoạt động tế bào mầm của học tập chuyển hóa. Các hoạt động tế bào mầm của học tập chuyển đổi là các hoạt động thể hiện phản ứng của các cá nhân và tập thể đối với các mâu thuẫn sâu sắc của xã hội. Chúng cũng là sự kết nối các quá trình phản ánh có phê phán xã hội, lịch sử và môi trường dựa trên các giá trị, định hướng, nhận thức tiến bộ, đồng thời là quá trình tăng cường năng lực phát triển bền vững của các tập thể và cá nhân để tạo nên và thúc đẩy những đổi mới và chuyển đổi bền vững. Để vượt qua thách thức này thì điều quan trọng là phải áp dụng cách nhìn và quan niệm về học tập mở rộng (Engelström, 2015) để khám phá, xác định và nhận diện được các hoạt động tế bào mầm cần được duy trì, mở rộng và phát triển nhằm mục đích tạo nên những thay đổi xã hội thực sự ở nhiều cấp khác nhau đặc biệt là cấp cơ sở. Mặc dù cách nhìn nhận và quan điểm của khoa học sinh thái-xã hội về tiềm năng và tầm quan trọng của học tập mở rộng ngày càng được công nhận và khẳng định, nhưng cho đến nay quan điểm và cách tiếp cận này

chưa được kiểm tra, chưa được minh chứng và chưa được luận giải một cách đầy đủ trong các công trình nghiên cứu lấy học tập làm trung tâm của các nhà khoa học sinh thái và xã hội.

2.2 Các lí thuyết và cách tiếp cận

Nghiên cứu học tập chuyển hóa vì sự bền vững về sinh thái và xã hội trong bối cảnh biến đổi khí hậu là một xu hướng nghiên cứu mới ở trên thế giới và Việt Nam. Quá trình nghiên cứu này đòi hỏi phải sử dụng nhiều lí thuyết và tiếp cận mới của khoa học xã hội và sinh thái hiện đại. Dưới đây là những nền tảng lí thuyết quan trọng nhất mà Dự án ISSC về T-learning và case study ở ĐBSCL của Việt Nam đã quan tâm và áp dụng.

Trước tiên, cần đề cập đến lí thuyết về hệ thống sinh thái-xã hội và lí thuyết về chuyển hóa về mặt kĩ thuật xã hội và chuyên hóa về sinh thái chính trị. Ở đây có 3 điểm trọng tâm đã được các nhà khoa học quan tâm và chú ý áp dụng trong nghiên cứu về học tập chuyển hóa vì sự bền vững về sinh thái và xã hội. Đó là: 1) Lí thuyết của khoa học sinh thái xã hội liên quan đến các tư duy các “vấn đề xấu” và các chuỗi quan hệ (nexus) mà đại diện tiêu biểu là Ritter & Webber (1973), Bazzilian và cộng sự (2011) và Bierbau and Matson (2013), 2) Lí thuyết chuyển hóa đa cấp tập trung vào sự chuyển dịch và chuyển hóa bền vững về mặt kĩ thuật-xã hội mà đại diện tiêu biểu là Geel (2002, 2010) O’ Brien (2012), 3) Lí thuyết về sinh thái chính trị thể hiện rõ trong các công trình của Leff (1996) và Latour (2004, 2013).

Tiếp theo cần phải kể đến lí thuyết về học tập xã hội mang tính phản ánh, đối thoại và mở rộng. Ở đây người ta thường tập trung chú ý đến: 1) Lí thuyết phê phán giáo dục mà đại diện là Paolo Freire (1975, 1998), Bell Hook (1994, 2010) và Sheets-Johnston (2011). Các nhà lí thuyết này đã luận giải và cho rằng học tập chuyển hóa vượt lên trên sự chuyển hóa về nhận thức để trở thành hình thức học tập thể hiện và mang tính xã hội, 2) *Lí thuyết học tập mở rộng* được phát triển bởi những người kế tục Vugotxki, những người coi trọng truyền thông nghiên cứu hoạt động theo quan điểm lịch sử-văn hóa. Trường phái lí thuyết này không những đưa ra những cách nhìn nhận sâu đối với vấn đề làm thế nào để học tập có thể dẫn đến sự phát triển ở các cấp vi mô/cơ sở mà còn cho phép giải thích các tương tác của học tập mở rộng trong hệ thống hoạt động nhiều cấp đã phát triển như thế nào trên cơ sở tiềm năng các hoạt động tế bào mầm. Nó cũng cung cấp các công cụ để nghiên cứu phát triển (sinh sản) và để nhận diện và phân tích các hình thức mang tính tập thể, liên kết và chuyển hóa của các chủ thể đại diện. (agency), 3) Giáo dục môi trường và giáo dục vì sự phát triển bền vững, đặc biệt là lí thuyết về học tập xã hội mang tính phản ánh mà đại diện tiêu biểu là O’Donoghue (2014) và Wals (2007) và lí thuyết học tập giao dịch mà đại diện là Ostman (2010) và lí thuyết học tập xã hội (Reed và cộng sự 2010). Dựa vào đây, dự án đã thiết kế ra các case study ở Phi, Á và Mỹ La tinh trong khoa học sinh thái xã hội.

Lí thuyết về năng lực, lí thuyết về công bằng xã hội và lí thuyết công dân là nền tảng lí thuyết quan trọng thứ ba mà tập thể các nhà nghiên cứu T-learning trong bối cảnh biến đổi ở 9 nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã và đang quan tâm áp dụng. Ở nền tảng lí thuyết này chúng tôi đặc biệt chú ý đến: 1) Các công trình nghiên cứu của Sen (1999), Nussbaum (2011) và Robeyns (2005). Họ đã khẳng định về mặt lí thuyết rằng công bằng xã hội có tính phản ánh xuất hiện nhờ các chủ thể và học tập thường xuyên và học tập chuyển hóa (transgressive and transformative learning); 2) Các nghiên cứu kết nối

lí thuyết năng lực với tính bền vững và các mối quan tâm về tập thể mà đại diện là Kronlid (2014), Stewart (2005) và với quá trình dân chủ hóa giáo dục và các quá trình học tập mà đại diện là Unterhalter (2005), Walker (2006), 3) Lí thuyết về công dân bao gồm lí thuyết về công dân sinh thái (Mc. Garry 2014, Orr 1992, Reid & Taylor 2003), khoa học về công dân (Dickensen và cộng sự 2010, 2012), công dân toàn cầu (Eistub 2010) và công dân như một chủ thể (Neocosmos 2009, 2012). Một số luận điểm của các lí thuyết này còn khác biệt nhưng chúng đều được xem là các sản phẩm hữu ích cho nghiên cứu T-Learning.

Cuối cùng, không thể không tính đến lí thuyết về hệ thống chuyển hóa đa cấp và lí thuyết về giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD). Lí thuyết về hệ thống chuyển hóa đa cấp đã nhấn mạnh đến một luận điểm rất quan trọng là các tổ chức cần hợp tác và cùng nhau tham gia để giải quyết các tắc nghẽn về mặt cấu trúc thông qua quá trình học tập, đối thoại và hoạt động chuyển hóa. Geel (2010) cho rằng do bản chất của các mối quan tâm về môi trường mang tính tranh chấp, phức hợp, toàn cầu, định hướng tương lai và có được chuẩn mực hóa nên sự huy động xã hội thông qua các phong trào xã hội rất cần tới sự trợ giúp đặc lực các nhà khoa học sự quan tâm đến vấn đề môi trường và ESD.

Trong quá trình nghiên cứu T-learning, tập thể các nhà nghiên cứu của 9 nước thuộc dự án ISSC về T-learning nói trên đã thống nhất cho rằng hết sức cần thiết và có lợi khi sử dụng các tiếp cận mới của khoa học sinh thái và xã hội hiện đại, đặc biệt là các tiếp cận được nêu ra ở dưới đây:

- **Tiếp cận xuyên ngành:** Trong bối cảnh hiện nay, các quá trình cùng tạo kiến thức trong dự án nghiên cứu được thực hiện trong những điều kiện mới của khoa học (de Vries, 2013), được đặc trưng và xác định bởi nhu cầu công bằng về nhân thức và nhận thức luận (Fricker 2009, Pilhouse 2009, Visvanathan, 2006). Ở đây, kiến thức của các chủ thể hoạt động khác nhau (thanh niên, nông dân, các nhà khoa học...) sẽ được xem là có giá trị khi xem xét và đánh giá về bối cảnh và người tham gia. Điều này đòi hỏi phải áp dụng tiếp cận nghiên cứu xuyên ngành mang tính phê phán. Theo Hirsch Hadom *“khi chuyển hóa các mô hình bộ môn và vượt qua các vấn đề thực tế của các chủ thể đơn lẻ, việc nghiên cứu chuyển hóa được thách thức bởi các đòi hỏi sau đây: phải nắm vững tính phức hợp của các vấn đề, phải chú ý đến tính đa dạng của các nhìn nhận của mặt khoa học và xã hội của vấn đề, phải liên kết các kiến thức trừu tượng với kiến thức cụ thể thực tế và phải xây dựng kiến thức với trọng tâm giải quyết vấn đề và những điều được cho sẽ là lợi ích chung”*. Các nghiên cứu của dự án dựa trên sơ đồ khung về các mối quan hệ của Bhashak để tham gia một cách linh hoạt vào các quá trình cùng tạo nên kiến thức xuyên ngành. Bhashak đã phân biệt các mối quan hệ thứ nhất của quyền lực (quyền lực vốn có của cơ quan mà mọi người dân ở mọi nơi sở hữu) và mối quan hệ quyền lực thứ hai (mối quan hệ cấu trúc và văn hóa hoặc là cản trở hoặc là tạo điều kiện cho mối quan hệ quyền lực thứ nhất hưng thịnh). Hạn chế các tác động cản trở của các mối quan hệ quyền lực 1 lên mối quan hệ quyền lực 2 là các quá trình quan trọng đối với T-Learning và sự chuyển hóa bền vững.

- **Tiếp cận học tập mở rộng:** Các quá trình nghiên cứu để cùng tạo ra kiến thức trong dự án sẽ đi theo chỉ dẫn của Vygotski (1978) là tập trung vào các quá trình phát triển thay cho tập trung vào sản phẩm để hiểu được quá trình học tập của con người và những thay đổi của họ trong hoạt động. Điều này cũng có nghĩa là cần ủng hộ và mở rộng các quá trình phát triển và học tập trong hệ thống hoạt động thực tế mà chúng đang trải qua quá trình chuyển đổi vì sự phát triển bền vững. Sử dụng tiếp cận học tập mở rộng, các nghiên

cứu của dự án về mở rộng các hoạt động và học tập trong thực tế sẽ hướng tới sử dụng các phương pháp sau: 1) Quan sát bối cảnh và các hành động đang tồn tại trong các hoạt động đặc thù, 2) Phân tích thử nghiệm các trải nghiệm thực tế về mặt lịch sử, dân tộc học để nhận diện các mâu thuẫn và các hoạt động tế bào mầm, 3) Cùng xây dựng các tiếp cận và công cụ cho sự tham gia và thay đổi xã hội, 4) Xây dựng sự tham gia trong thực tiễn và ở cơ quan với công cụ và tiếp cận mới và 5) Kiểm tra và đánh giá (Engelström, 1987). Nếu so sánh thì chúng ta có thể thấy nghiên cứu tham gia nêu trên tương tự như của nghiên cứu hành động được đề cập trong nghiên cứu khoa học trước đây.

- **Tiếp cận phức hợp:** Trong các nghiên cứu của dự án một phức hợp bao gồm phương pháp phân tích tình huống và phương pháp tham gia được đề xuất sử dụng. Cụ thể là: 1) Phương pháp phân tích tình huống bao gồm (nhưng không chỉ giới hạn ở đó) nghiên cứu lịch sử, phân tích bối cảnh/tình huống, bản đồ hóa và phân tích khả năng phục hồi, kết nối báo chí và khoa học công dân, xây dựng biểu đồ đường về thời gian lịch sử, nghiên cứu bài tường thuật, các cam kết về dân tộc, sử dụng tài liệu tham khảo và các câu chuyện 2) Các phương pháp tham gia bao gồm (nhưng không chỉ giới hạn ở đó) điều tra dựa và nghệ thuật và điêu khắc xã hội, tiếp cận học tập di động, biểu diễn thực tiễn và hoạt động, quay video sự kiện, nghiên cứu tài liệu tham khảo và các câu chuyện, xây dựng labo cho hành động và thay đổi, điều tra người dân qua online và off-line và sử dụng các công cụ đổi mới xã hội (Resolve 2015). Các phương pháp nêu trên hướng tới mục tiêu cùng nhau tạo sản phẩm.

2.3. Điều tra – khảo sát thực tế học tập chuyển đổi ở Đồng bằng sông Cửu Long

2.3.1. Lựa chọn đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Để khám phá và nhận diện vai trò, thực trạng và tiềm năng của học tập chuyển đổi nhằm chuyển đổi nông nghiệp bền vững thích ứng BĐKH ở ĐBSCL trong những năm 2016 và 2017 việc nghiên cứu T-Learning được tập trung triển khai trong mô hình VACB ở Cần Thơ và trong các mô hình sinh kế bền vững ở Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang (Khu DTSQ Kiên Giang). Những lí do chính khiến cho Cần Thơ và Khu DTSQ Kiên Giang được lựa chọn làm địa bàn chính để nghiên cứu T-learning ở ĐBSCL là: 1) Chuỗi các mối quan hệ “Khí hậu - Nước - Lương thực & Thực phẩm - Năng lượng - Công bằng Xã hội” đã thể hiện rõ nét ở hai địa bàn này; 2) Những tiền đề và điều kiện cơ bản cho học tập chuyển đổi nhằm thúc đẩy sự phát triển của các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH đã xuất hiện ở Cần Thơ và Khu DTSQ Kiên Giang, 3) Những dấu hiệu và những hoạt động “tế bào mầm” của các quá trình học tập chuyển đổi như học tập công cụ, học tập kết nối (giao lưu) và học tập khai phóng đã bộ lộ và trên đà mở rộng ở các địa phương này.

Trong năm 2018 việc nghiên cứu T-learning trong mô hình VACB được tiếp tục ở Cần Thơ và mở rộng ra Đồng Tháp và An Giang. Để có được cái nhìn tổng thể và xác lập được bức tranh khái quát về T-learning ở ĐBSCL, trong năm 2018 việc nghiên cứu T-learning trong mạng lưới nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sinh thái đã được thực hiện ở một số tỉnh ở ĐBSCL. Một số trường hợp nghiên cứu điển hình như Các mô hình NNHC & NNST như Trang trại Viễn Phú ở Cà Mau, Trang trại Tâm Việt ở Đồng Tháp, các cơ sở NNST áp dụng phương pháp PGS ở Bến Tre, mô hình NNST ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Một tổ hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng đã được sử dụng trong các cuộc điều tra - khảo sát thực tế. Từ giữa 2016 đến đầu năm 2019, các cuộc điều tra - khảo sát thực tế về T-learning đã thực hiện tại một số trường hợp nghiên cứu ở một số tỉnh tiêu biểu ở ĐBSCL như đã nêu ở trên. Trong quá trình điều tra khảo sát, một tổ hợp các phương pháp định tính và định lượng đã được thực hiện để thu thập các thông tin dữ liệu sơ cấp và thứ cấp về học tập chuyển đổi ở ĐBSCL. Việc thu thập dữ liệu bắt đầu với phương pháp điều tra nhanh và phương pháp *contextual profiling*” (tạm dịch mô tả và phân tích bối cảnh theo các lát cắt) với mục tiêu phát hiện và nhận diện rõ các đặc điểm tự nhiên và xã hội của các đối tượng tại các địa điểm được lựa chọn để nghiên cứu. Tiếp sau đó, một tổ hợp các phương pháp tham gia đã được áp dụng, bao gồm trong, thảo luận theo chuyên đề tại hội thảo, phỏng vấn sâu, điều tra bằng phiếu hỏi... (Xem Bảng 1).

Bảng 1. Bảng tổng hợp các hoạt động điều tra khảo sát học tập chuyển đổi tại một số tỉnh tiêu biểu ở ĐBSCL trong các năm từ 2016 đến 2019

Đối tượng, địa điểm & thời gian điều tra-khảo sát T-learning ở một số tỉnh tại ĐBSCL	Các phương pháp nghiên cứu T-learning chính & số người tham gia điều tra khảo sát ở từng phương pháp		
	Thảo luận chuyên đề tại hội thảo	Phỏng vấn sâu và trực tiếp	Điều tra bằng phiếu hỏi
1.T-learning in mô hình VACB ở Phong Điền, Cần Thơ (12/2016, 10/2017 & 11/2018)	10/2017: 35 người	12/2016: 8 người 10/2017: 9 người 11/2018: 10 người	10/2017: 46 người 11/2018: 40 người
2. T-learning in mô hình VACB ở Đồng Tháp và Tiền Giang (10/2018)	-	10/2018: 16 người	10/2018: 80 người (ở Đồng Tháp: 40 người, Tiền Giang: 40 người)
3. T-learning trong các mô hình sinh kế bền vững ở Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang (6/2017 & 11/2017)	6/2017: 40 người	11/2018: 40 người	-
4. T-learning in mô hình NNHC ở Cà Mau, Đồng Tháp và Bến Tre (10-12/2018)	-	10/2018: 8 người 12/2018: 18 người	12/2018: 115 người (89 người ở Bến Tre, 35 người ở Đồng Tháp)
5. T-learning in mô hình NNST ở An Giang (12-11/2018)	-	2/2019: 7 người	-

Ngoài các phương pháp nêu trên, trong quá trình điều tra khảo sát, các phương pháp quan sát, chụp ảnh lấy tư liệu và thu thập các câu chuyện về T.learning (phương pháp narrative) cũng đã được sử dụng.

2.3.3. Kết quả nghiên cứu

- Phát hiện 1: Sự quan tâm và nhu cầu của người dân ở ĐBSCL đối với học tập chuyển đổi để chuyển sang các mô hình nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH

Một trong các hoạt động nghiên cứu chủ chốt đã được thiết kế và thực hiện trong các nghiên cứu trường của Dự án ISSC quốc tế về T-learning cũng như trong nghiên cứu trường về học tập chuyển đổi ở ĐBSCL là *sử dụng phương pháp có tên gọi “contextual profiling”* (tạm dịch mô tả và phân tích bối cảnh theo các lát cắt) do Khoa Giáo dục môi trường của Trường ĐHTH Rhode, CH Nam Phi đề xuất. Yêu cầu của phương pháp này là các nhà nghiên cứu cần có những liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với các đối tác và người dân địa phương, những người thường xuyên phải đối mặt với những vấn đề gay gắt liên quan đến các chuỗi các mối quan hệ “*Khí hậu - Lương thực - Nước - Năng lượng - Công bằng xã hội*” để cùng với người dân và các bên có liên quan phát hiện, phản ánh và chia sẻ ý kiến về mối quan tâm của họ đối với các vấn đề gay gắt về kinh tế-xã hội-môi trường nảy sinh trong bối cảnh BĐKH hậu và chuyển đổi nông nghiệp sang phát triển bền vững. Kinh nghiệm của các nước trong dự án nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng một trong những hình thức tốt nhất để giúp các đại biểu địa phương và người dân để thực hiện yêu cầu nêu trên là tổ chức các hội thảo, tọa đàm hay thảo luận tại địa phương. Tại các cuộc gặp mặt trực tiếp này người dân địa phương có thể phản ánh chia sẻ và phản ánh mối quan tâm của họ về các vấn đề liên quan đến chuỗi và hiện trạng của học tập xã hội và triển vọng mở rộng và phát triển học tập xã hội trong tương lai. Lấy ví dụ, trong khuôn khổ của dự án nghiên cứu T-learning ở ĐBSCL, nhóm nghiên cứu đã phối hợp với các đối tác tại địa phương ở Cần Thơ, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bến Tre và Cà Mau tổ chức các hội thảo, tọa đàm và thảo luận nhóm để người dân và các bên có liên quan phản ánh, phản biện, chia sẻ những quan tâm đối với các vấn đề gay gắt liên quan đến chuỗi các mối quan hệ “*Khí hậu - Lương thực & thực phẩm - Nước- Năng lượng - Công bằng xã hội*” xuất hiện tại địa phương và thể hiện các mong muốn và nhu cầu được tiếp cận với học tập xã hội và học tập cộng đồng để thực hiện thành công quá trình chuyển đổi sang mô hình/ sinh kế nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL Bảng 2 tóm tắt kết quả của các hội thảo và tọa đàm được tổ chức ở 3 trường hợp nghiên cứu (3 case studies) ở ĐBSCL.

Bảng 2. Phản ánh của người dân địa phương qua các cuộc hội thảo, thảo luận và tọa đàm ở một số địa phương ở ĐBSCL

Bối cảnh tại nơi nghiên cứu	Quan tâm về chuỗi các mối quan hệ tại địa phương	Chứng cứ thực tế về sự tồn tại của học tập xã hội chuyển đổi
Mạng lưới các mô hình sinh kế bền vững VACB ở Mỹ Khánh,	Nhiệt độ gia tăng và xâm nhập mặn vào sâu trong nội địa; những cực đoan của thời tiết và khí hậu; ô nhiễm môi trường do phế thải nông nghiệp, nghèo	Người nông dân tham gia các lớp tập huấn do dự án do các tổ chức quốc tế tổ chức; các nhà khoa học ở trường đại học Cần Thơ tư vấn, hướng dẫn các hộ nông dân tiếp cận, sử dụng và duy trì hệ thống VACB; kiến thức hệ thống VACB nhờ tài

huyện Phong Điền, Cần Thơ	đói gia tăng do tác động xấu của biến đổi khí hậu, khó khăn về chất đốt cho nhu cầu các nông hộ	liệu của ĐH Cần Thơ và tài liệu có trên internet: mạng lưới học tập với nhiều đối tượng được hình thành và mở rộng
Khu Dự trữ sinh quyển Kiên Giang	Sự bảo tồn rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cũng như các giá trị văn hóa, xã hội bản địa như thế nào để phát triển bền vững các mô hình sinh kế bền vững về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ (du lịch) bối cảnh các tác động xấu của biến đổi khí hậu ngày một gia tăng đặc biệt là xâm nhập của nước mặn và sự mất đất đai ở vùng bờ biển và ven sông	Nông dân trong khu dự trữ sinh quyển đã tích cực tham gia các cuộc cực tập huấn nâng cao kiến thức và năng lực thực hiện các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Người dân địa phương với sự động viên và khuyến khích của chính quyền tham gia vào các cuộc hội thảo, tọa đàm và học tập nhóm để phản ánh, phản biện các vấn đề gay gắt nảy sinh trong khu dự trữ sinh quyển và tìm kiếm các giải pháp dựa trên kiến thức và kinh nghiệm bản địa để phát triển các mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH
Mạng lưới các trang trại nông nghiệp sinh thái ở Cà Mau, Đồng Tháp và Bến Tre	Thành lập mạng lưới PGS về NNHC ở Việt Nam. Mạng lưới tập hợp và bao gồm hàng chục thành viên. Đây là những trang trại hay nhóm sản xuất NNHC có nhiều sáng kiến và thành tích về phát triển NNHC làm thành viên. Các thành viên mạng lưới quan tâm đến thách thức của sự phát triển bền vững nông nghiệp và sự gia tăng nhu cầu trong nước và ngoài nước về nông sản sạch và an toàn và tích cực tham gia học tập trong các nhóm PGS để được công nhận là nhóm/ trang trại NNHC	Họ liên hệ và gặp nhau thường xuyên để học tập tích cực, nhận thức và cùng nhau làm việc về những vấn đề phát triển bền vững trong một quá trình học tập chuyển hóa vì một nền nông nghiệp xanh và sạch. Một số thành viên Mạng lưới PGS về NNHC đã thực hiện những phương thức, hình thức học tập phong phú và đa dạng phù hợp với hoàn cảnh của họ. Ví dụ, tại Trang trại Tâm Việt ở Đồng Tháp, người nông dân đã tự nguyện thành lập “Hội quán Học tập”, hàng tháng sinh hoạt một vài lần để phản ánh có phê phán các vấn đề nảy sinh khi phát triển NNHC, đồng thời phát huy các kiến thức và kinh nghiệm bản địa để phát triển nông nghiệp hữu cơ trên vùng đất đã bị ô nhiễm nhiều bởi thuốc trừ sâu và phân bón

- Phát hiện 2: Sự xuất hiện và hội tụ của các kiểu học tập chuyển đổi trong mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL

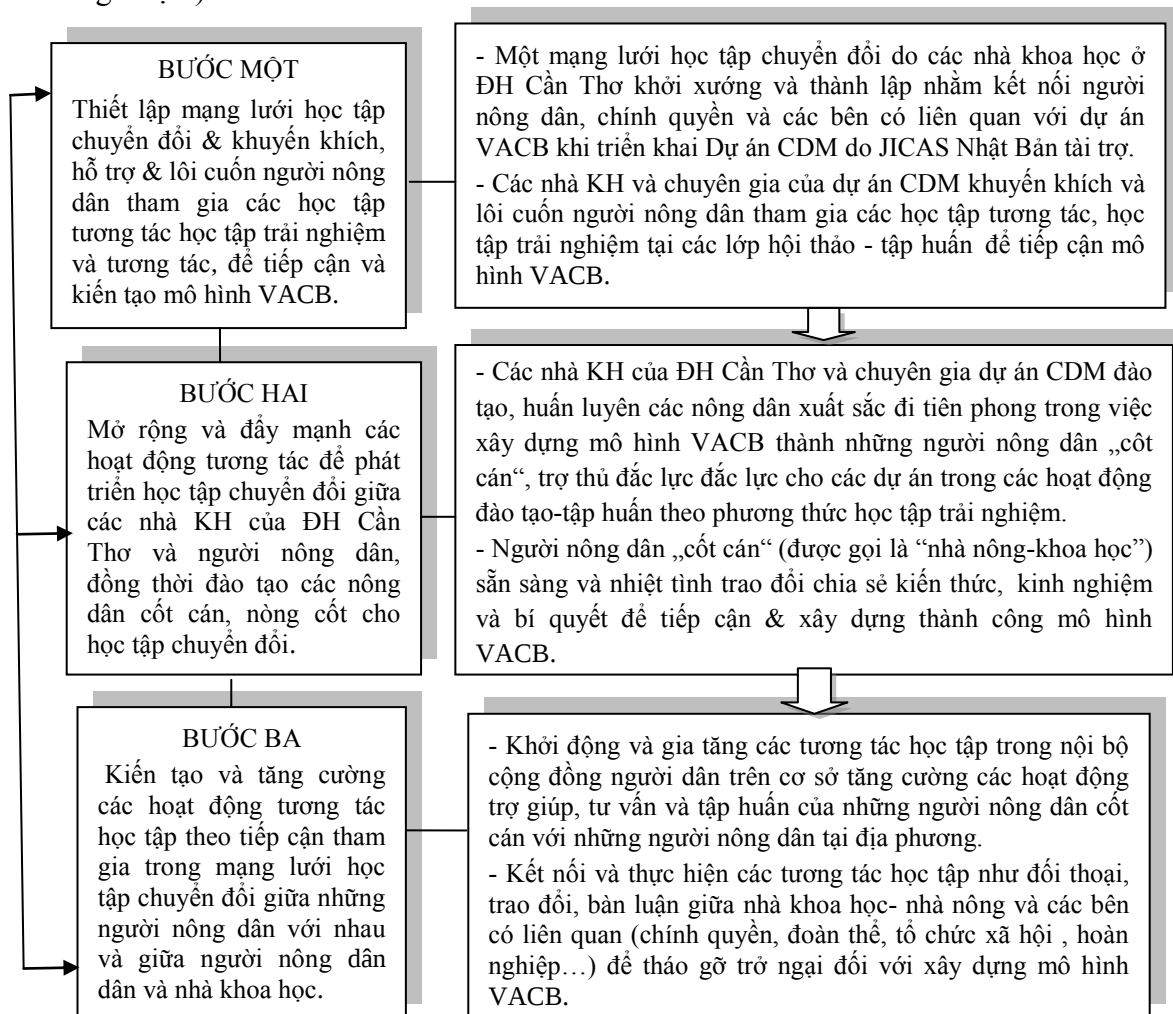
Kết quả quan sát và điều tra - khảo sát thực tế học tập chuyển đổi trong các mô hình sinh kế bền vững (mô hình VACB ở Cần Thơ, Đồng Tháp và Tiền Giang, mô hình NNHC và mô hình NNST ở Cà Mau, Đồng Tháp, Bến Tre và An Giang và các mô hình sinh kế

nông nghiệp bền vững trong Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang trong các năm 2016, 2017 và 2018 đã chỉ ra rằng ba kiểu học tập chuyển đổi (học tập công cụ, học tập giao tiếp-kết nối và học tập khai phóng (Tiếng Anh của 3 kiểu học tập chuyển đổi là Instrumental learning, communitative learning và emancipatory learning)) đã xuất hiện, hội tụ và đang trên đà mở rộng ở ĐBSCL.

Học tập công cụ là kiểu học tập chuyển đổi có mục đích giúp người học tiếp thu các kiến thức khoa học-kỹ thuật cho phép con người điều khiển và kiểm soát môi trường tự nhiên và xã hội, dự đoán các hiện tượng tự nhiên và xã hội và đưa ra các hành động thích hợp (Cranton, 2016). Quá trình học tập chuyển đổi này đã được phát hiện ra ở các địa điểm nghiên cứu nêu trên khi nhóm nghiên cứu quan sát người nông dân ở các nông hộ và nhận thấy các hộ nông dân đã có những chuyển đổi thực sự trong cách tư duy, trong việc tổ chức lại các hoạt động sản xuất cũng như những thay đổi đáng kể về hiểu biết và nhận thức về BĐKH. Những đổi mới về các mặt nhận thức, tư duy và hành động như vậy đã khiến cho việc chuyển đổi khẩn cấp mô hình sinh kế nông nghiệp để phát triển bền vững và thích ứng với BĐKH ở địa phương trở nên tất yếu và không thể đảo ngược được. Một minh chứng cho điều này là đại đa số nông dân đã áp dụng mô hình VACB ở Cần Thơ (82,6 %, n=38) đã cho rằng họ đã tích cực tham gia vào các cuộc thảo luận ở các câu lạc bộ khuyến nông, ở các cuộc họp nhóm cộng đồng cũng như trong các lớp tập huấn và tham quan học tập tại các mô hình tốt, điển hình về VACB. Kết quả được đánh giá là tích cực và có hiệu quả vì các hoạt động học tập này đã tác động tích cực đến kiến thức và nhận thức của họ về tác động của biến đổi khí hậu đến các hoạt động nông nghiệp của họ. *“Các các bộ khuyến nông địa phương và các nhà khoa học, thầy giáo ở ĐH Cần Thơ đã đặt ra những câu hỏi để chúng tôi suy nghĩ và đã giúp chúng tôi có những hiểu biết và kiến thức liên quan đến vấn đề nhiệt độ và những điều khác trong tương lai sẽ thay đổi thế nào. Điều này đã nâng cao sự hiểu biết và kiến thức của chúng tôi”* (Phát biểu một người nông dân có hệ thống VASCB ở làng Trương Thuận).

Theo Cranton (2016), ở hầu hết các địa điểm mà người dân làm việc với nhau một cách hợp tác trong nhóm để chia sẻ và luận giải kinh nghiệm của họ, đồng thời xây dựng những hiểu biết mới thì học tập giao tiếp xảy ra. Điều này đã thể hiện rất rõ ở các địa phương ở ĐBSCL, nơi chúng tôi đã tiến hành điều tra khảo sát về T-learning trong những năm qua. Ở đây người dân buộc phải chuyển đổi mô hình sinh kế hiện có, không bền vững và dễ bị tổn thương bởi BĐKH sang mô hình sinh kế bền vững, thích ứng với BĐKH. Nói một cách khác, học tập kết nối hay học tập giao tiếp (communicative learning) đã xảy ra đồng thời với quá trình học tập công cụ ở các địa phương ở ĐBSCL, trước hết ở những nơi có mô hình sinh kế mới, bền vững thích ứng với BĐKH. Xin đưa ra một vài minh chứng: 76,1 % số nông dân (35 người) đã áp dụng mô hình VACB ở Cần Thơ khi được hỏi đã cho rằng những cuộc thảo luận, chia sẻ và trò chuyện với những người hàng xóm đã làm tăng mới quan tâm của họ đến những truyền thông về biến đổi khí hậu có tác động đến sản xuất của họ. Đặc biệt, 69,8% người nông dân (33 người) nêu trên khi được hỏi cho rằng học tập giao tiếp thông qua thảo luận, chia sẻ, trò chuyện không chính thức theo nhóm và những cuộc tham quan học tập cá nhân tại các mô hình điển hình đề cập chủ yếu đến những lợi ích cụ thể liên quan đến các hoạt động nông nghiệp thích ứng với BĐKH đã được nhận diện. Khi nhấn mạnh đến ý nghĩa và các giá trị của học tập giao tiếp trong quá trình tiếp cận và áp dụng mô hình VACB ở Cần Thơ một nông dân đã

nói “Tất cả chúng tôi cùng quan sát và cùng chia sẻ những cái mà chúng tôi làm. Chúng tôi cũng tham quan một số mô hình biểu diễn phục vụ phát triển mở rộng để tìm kiếm các giải pháp tốt hơn để thực hiện mô hình VACB. Nếu một cá nhân nào đó trong cộng đồng có sáng kiến hay ý tưởng mới, tất cả mọi người trong cộng đồng sẽ tới xem và cùng nhau thảo luận dù chúng tôi ở đâu (trên đường đi, trong quán cà phê, trong lễ cưới, trong chợ địa phương (một nông dân làm VACB ở Làng Trường Thuận). Phần lớn kiến thức chúng tôi thu được xuất phát từ hàng xóm và tôi đã đi theo các kinh nghiệm của họ khi họ trình diễn thành công mô hình sinh kế bền vững của họ (một nông dân làm VACB ở Làng Trường Thọ 2).



Nguồn. Trần Đức Tuấn, 2019

Sơ đồ 1: Các giai đoạn hình thành và phát triển của học tập chuyển đổi trong các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL

Những người nông dân tham gia các cuộc điều tra-khảo sát của chúng tôi đã khẳng định rằng để thành công trong việc chuyển đổi sang các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL họ không chỉ cần các kiến thức KH-CN và kiến thức giao tiếp mà còn cần và muốn sở hữu các kiến thức khai phóng. Ở đây kiến thức khai phóng được

hiều là những kiến thức nảy sinh và hình thành khi người nông dân tự đặt câu hỏi phản biện đối với bản thân, với những vấn đề tự nhiên và xã hội mà họ sống trong đó và khi người nông dân phát triển năng lực tự quyết định và tự phản ánh của cá nhân mình (Cranton, 2016). Hoạt động trong vòng này có vai trò quan trọng đối với việc cải thiện và gia tăng kiến thức mới cũng như xây dựng và củng cố lòng tin cho các bên có liên quan đến mô hình VACB. Các giải pháp đã được bàn luận và phát triển là ổn định thị trường, tập huấn để sử dụng hiệu quả nguồn vốn, hỗ trợ các chính sách thích ứng với BĐKH thông qua các chiến lược ứng và tài trợ, xây dựng cộng đồng học tập thông qua sản xuất liên kết và hợp tác (đầu vào-đầu ra, sản phẩm). *“Tôi cho rằng học tập khai sáng cần nhấn mạnh đến đối thoại giữa các “nhà nông-khoa học”, cán bộ khuyến nông và những người hỗ trợ (từ các trường đại học) để chuyển hóa kiến thức, kỹ thuật và kinh nghiệm liên quan đến mô hình VACB và cần tạo điều kiện để người nông dân cũng như các bên có liên quan tham gia nhiều hơn và tích cực hơn vào các quá trình học tập xã hội để chuyển hóa sinh kế một cách bền vững”* (Trả lời phỏng vấn của một nông dân ở Phong Điền) .

Những điều tra-khảo sát về học tập chuyển đổi trong năm 2017 tại Cần Thơ, Kiên Giang và trong 2018 tại một số tỉnh khác như Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre và Cà Mau đã chứng tỏ rằng sự xuất hiện, hội tụ và mở rộng các quá trình học tập chuyển đổi trong mô hình VACB ở Cần Thơ, Đồng Tháp và Tiền Giang gắn liền với việc kiến tạo và vận hành các mạng lưới học tập chuyển đổi và các quá trình tương tác học tập trong mạng lưới này. Quá trình này được thực hiện qua 3 vòng cơ bản (Phương & Tuấn, 2018). Dựa trên phát hiện này và những kết quả điều tra-khảo sát về học tập chuyển đổi ở một số tỉnh chọn lọc ở ĐBSCL, chúng tôi đã xây dựng một sơ đồ khái quát mô tả các bước (hay giai đoạn) của quá trình học tập chuyển đổi trong các mô hình sinh kế bền vững ở ĐBSCL (Sơ đồ 1).

- Phát hiện 3: Mô hình học tập chuyển đổi vì sự phát triển bền vững về sinh thái và xã hội ở ĐBSCL.

Dựa trên các nền tảng lý thuyết và các tiếp cận đã nêu ở phần trên và đặc biệt là dựa trên các kết quả thu được từ các điều tra-khảo sát thực tế về học tập chuyển đổi trong các quá trình và mô hình tiêu biểu về chuyển đổi nông nghiệp theo định hướng phát triển bền vững từ nông nghiệp không bền vững (thâm canh và sử dụng quá mức thuốc trừ sâu và phân hóa học...) dễ bị tổn thương bởi BĐKH sang nông nghiệp bền vững (sản xuất theo cơ chế phát triển sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái...) tại một số thành phố và tỉnh tiêu biểu ở ĐBSCL như Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang và Bến Tre, chúng tôi đã phác họa được một mô hình về hệ thống học tập chuyển hóa vì sự phát triển bền vững, thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL. Hệ thống này bao gồm các thành tố cơ bản sau đây:

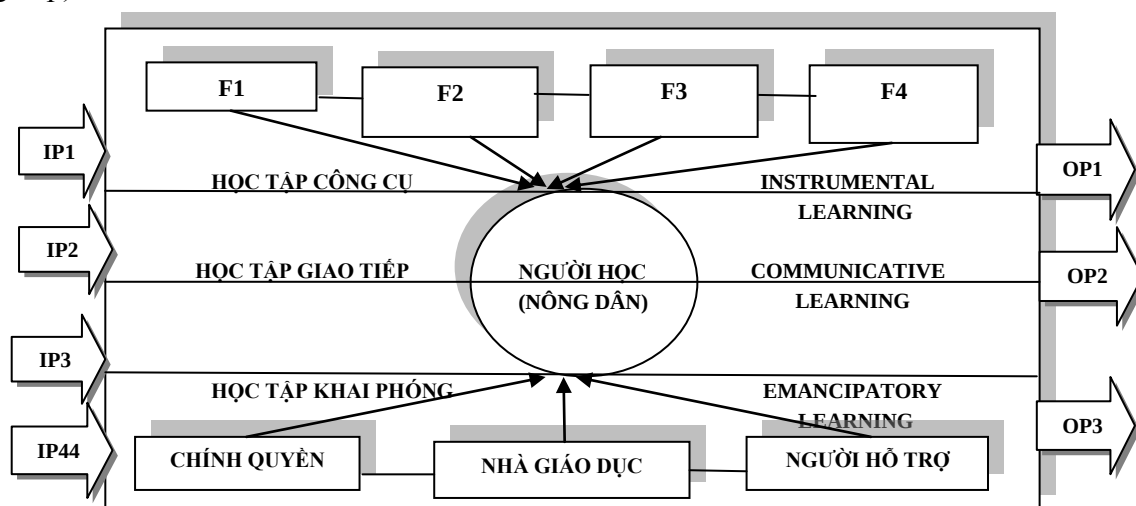
▪ **Input đầu vào cho hệ thống học tập chuyển đổi ở ĐBSCL:** Những đặc trưng nổi bật của môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội của ĐBSCL như thách thức của BĐKH, chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL, thành công của các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL, truyền thống và văn hóa học tập cộng đồng ở ĐBSCL... là những input đầu vào quan trọng nhất của hệ thống học tập chuyển đổi ở ĐBSCL.

▪ **Các thành phần cơ bản của hệ thống học tập chuyển đổi ở ĐBSCL:** Các thành phần và yếu tố bên trong của hệ thống học tập chuyển đổi ở ĐBSCL được phân vào 3 nhóm cơ bản sau đây:

+ *Nhóm thứ nhất bao gồm các thành tố chủ chốt kiến tạo và vận hành hệ thống học tập chuyển đổi như **người học** (người nông dân có nhu cầu và tham gia vào các quá trình học tập cộng đồng), **người thầy** (các nhà khoa học từ trường đại học, chuyên gia của dự án..), **chính quyền địa phương** (kể cả cán bộ khuyến nông và các đoàn thể như hội hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên...) và **những người hỗ trợ** (quản lý dự án, doanh nghiệp, tổ chức xã hội...),*

+ *Nhóm thứ hai bao gồm các quá trình và các kiểu học tập chuyển đổi: Đó là học tập công cụ, học tập giao lưu, học tập khai phóng. Tham gia vào các quá trình này người nông dân tiếp thu được các kiến thức khoa học-kỹ thuật liên quan đến mô hình VACB, đến BDKH, các kiến thức giao tiếp, kết nối người nông dân với cộng đồng và các kiến thức khai phóng giúp người dân vượt qua các trở ngại để tiếp cận và áp dụng thành công mô hình VACB.*

+ *Nhóm thứ ba là nhóm các yếu tố có ảnh hưởng và tác động mạnh đến sự vận hành và phát triển các quá trình và các kiểu học tập chuyển đổi nêu trên, trong đó trước hết phải kể đến: a) Sự quan tâm và nhu cầu của người dân đối với học tập chuyển đổi, b) Các lợi ích do mô hình sinh kế bền vững đem lại; c) Phương thức và hình thức học tập đặc thù của nông dân; d) Sự liên kết của 4 nhà (Nhà nước-Nhà khoa học-Nhà Giáo- Nhà doanh nghiệp).*



Nguồn: Trần Đức Tuấn, 2018

Hình 1: Mô hình về hệ thống học tập chuyển đổi vì sự phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu long

Ghi chú: IP1 (INPUT 1): Chiến lược & chính sách về PTBV; IP 2 (INPUT2): Những thách thức của BDKH; IP 2 (INPUT3): Mô hình tốt về sinh kế bền vững thích ứng với BDKH; IP4 (INPUT4): Truyền thống & văn hóa học tập cộng đồng của người dân. OP1 (OUPUT1): Sự chuyển đổi của dân về nhận thức & quan điểm theo định hướng PTBV; OP2 (OUPUT2): Sự chuyển đổi của người dân về giá trị và niềm tin theo định hướng PTBV; OP3 (OUPUT3): Sự chuyển đổi của dân về năng lực hành động và lối sống) theo định hướng PTBV; F1: Mối quan tâm & nhu cầu của người dân về học tập chuyển đổi vì sinh kế bền vững F3: Cách thức & hình thức học tập chuyển đổi (học trải nghiệm & cộng đồng học tập) F2: Lợi ích các mặt mà mô hình sinh kế bền vững & học tập chuyển hóa đem lại F4: Sự liên kết của 4 nhà ((Nhà nước + Nhà Khoa học +Nhà nông+ Nhà doanh nghiệp

▪ **Output đầu ra (sản phẩm) của hệ thống T-learning ở ĐBSCL:** Đó là sự chuyển đổi (sự thay đổi liên tục của người nông dân theo phương thức sự tích lũy về lượng để chuyên hóa về chất) và sự chuyển hóa (sự biến đổi căn bản, toàn diện về chất) của người nông dân về ba mặt quan trọng như nhận thức (hiểu biết, quan điểm, thói quen tư duy), tình cảm (giá trị, niềm tin, động cơ...) và thái độ- hành vi (năng lực hành động, lối sống).

Hệ thống học tập chuyển đổi nhằm phát triển các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL được thể hiện khái quát trong mô hình Hình 1.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và BĐKH toàn cầu, khi chuyển đổi nông nghiệp theo hướng bền vững nhằm thích ứng với BĐKH đã và đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với thế giới hiện đại, đặc biệt đối với các nước nông nghiệp bị tác động và tổn thương nghiêm trọng bởi BĐKH như Việt Nam thì việc tăng cường các quá trình học tập chuyên hóa nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH trở nên một vấn đề cấp bách. Tuy nhiên, cho đến nay người ta còn chưa hiểu biết đầy đủ về các quá trình và kiểu loại của học tập chuyển hóa và vai trò của chúng đối với quá trình chuyển hóa kinh tế-xã hội theo định hướng phát triển bền vững thích ứng với BĐKH. Trong bối cảnh đó, được sự tài trợ của ISSC tập thể các nhà nghiên cứu quốc tế đã tiến thành dự án nghiên cứu mang tên “*Transgressive Social Learning for Social-Ecological Sustainability in Times of Climate Change*” nhằm làm sáng tỏ sự xuất hiện, chất lượng và triển vọng của học tập chuyển đổi vì sự bền vững về xã hội và sinh thái ở những vùng và những nước chịu nhiều tác động bởi BĐKH. ĐBSCL của Việt Nam được chọn là một trong 9 trường hợp nghiên cứu của Dự án.

Là một thành viên của tập thể nghiên cứu quốc tế về T-learning, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững (CEREPROD) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đứng đầu là PGS.TS Trần Đức Tuấn đã phối hợp với các đối tác nghiên cứu tại Hà Nội và tại các địa phương ở ĐBSCL như Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng Tháp triển khai dự án nghiên cứu học tập chuyển đổi ở ĐBSCL từ giữa 2016 đến đầu 2019. Kết quả nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực tế về T-learning ở ĐBSCL đã khẳng định rằng do những tiền đề và điều kiện tiên quyết cho học tập chuyển đổi để phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL đã xuất hiện và tạo điều kiện để những mầm mống, những “hoạt động tế bào mầm” của học tập chuyển đổi ở ĐBSCL nảy sinh, mở rộng và phát triển trước hết và trên hết ở những nơi mà các quá trình và mô hình chuyển đổi bền vững trong nông nghiệp ở ĐBSCL. Những điều tra -khảo sát thực tế về học tập chuyển đổi về học tập chuyển đổi trong các kiểu mô hình sinh kế khác nhau (ví dụ mô hình VACB, mô hình kết hợp lúa-cá, mô hình NNST theo phương pháp PGS...) ở một số tỉnh tiêu biểu ở ĐBSCL như Cần Thơ, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang và Cà Mau đã chứng minh những phát hiện nêu trên. Để phát huy vai trò của học tập chuyển đổi cũng như tăng cường sức mạnh và tác động của học tập chuyển đổi thì điều quan trọng là phải khuyến khích và tạo điều kiện để các **chủ thể** (người nông dân) và **các bên có liên quan** (chính quyền, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và các tổ chức xã hội) kết nối chặt chẽ để kiến tạo và vận hành các quá trình và kiểu của học tập chuyển đổi (học tập công cụ, học tập truyền thông, và học tập khai phóng) với sự tham gia tích cực, tự nguyện và tự giác của người dân.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu nêu trên được thực hiện trong khuôn khổ của Dự án nghiên cứu quốc tế mang tên “Học tập xã hội để chuyển đổi và chuyển hóa vì sự bền vững về sinh thái và xã hội trong thời đại biến đổi khí hậu”, được tài trợ Hội đồng Khoa học Xã hội Quốc tế (ISSC - International Social Science Committee) của UNESCO Paris (Dự án T-learning của ISSC). Chúng tôi xin cảm ơn Dự án Dự án T-learning của ISSC đã tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để chúng tôi tiến hành nghiên cứu. Chúng tôi cũng cảm ơn các nhà khoa học, đồng nghiệp và bạn bè ở Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Nghiên cứu và Giáo dục Phát triển Bền vững (IRESD) thuộc Liên hiệp các Hội các Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Đồng Tháp đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình nghiên cứu. Chúng tôi cũng cảm ơn nông dân và cán bộ địa phương ở Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang và Kiên Giang đã giúp đỡ và tạo điều kiện chúng tôi trong quá trình thu thập dữ liệu nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barth M., Michelsen G, 2013. *Learning for change: an educational contribution to sustainability science*. Sustainability science. 8(1):103-19.
- [2] Blackmore C., Chabay I., Collins K., Gutscher H., Lotz-Sisitka H., McCauley S., Niles D., Pfeiffer E., Ritz C., Schmitdt F., Schruers M., Siebenhüner H., Tabara D and van Eijndhoven J. Knowledge, 2011. *Learning and Societal Change: Finding Paths to a Sustainable Future*. Science Plan for a cross-cutting core project of the International Human Dimension Programme on Global Environmental Change (IHDP). Bern, Germany.
- [3] *Future Earth: Strategic Research Agenda*. 2014. www.futureearth.org.
- [4] Geel. S. Ontologies, 2010. *Socio-technical transitions (to sustainability), and the multi-level perspective*. Res Pol, 39:495-510.
- [5] Intergovernmental Panel On Climate Change (IPPC), 2014. *Climate change: Impact, Adaptation, Vulnerability*. Cambridge University Press.
- [6] Krasny M.E., Tidball K.G, 2012. *Civil Ecology: A Pathway for Earth Stewardship in cities*. *Frontiers in Ecology and the Environment*. 10(5): 267-273.
- [7] Kronlid D (Ed), 2014, *Climate Change Adaptation and Human Capabilities*. Palgrave Macmillan.
- [8] Latour B. Politics of Nature, 2004. *How to bring the science into democracy*. Cambridge: Harvard University Press.
- [9] Lotz-Sisitka H.B., Belay Ali M., Mukue M, 2012. *The Social and Learning in Social learning research: Avoiding ontological collapse with antecedent literatures as starting point of research*. In (Re) views on social learning: A monograph for social learning researchers in natural resource management and environmental education. Edited by Lotz-Sisitka HB. ELRC/ Rhodes University/ SADC REEP, 56-58.
- [10] Lotz-Sisitka HB., BelayAli M, Mphepo G, Chaves M, Macintyre T, Pesanayi T, Wals AEJ, Mukute M, Krolid D.O, Tran, Duc Tuan, Joon D, and MCGarry, 2016. *Co-designing research on transgressive learning in times of climate change*. Current Opinion in Environmental Sustainability 20 - ISSN 1877-3435 - p. 50 - 55.
- [11] Lotz-Sisitka HB., Wals AEJ., Krolid D.O., and MCGarry D., 2015. *Transformative, transgressive social learning: rethinking higher education pedagogy in times of systemic global dysfunction*. Current Opinion in Environmental Sustainability, 16:73-80.

- [12]Mc Garry D, 2014. *Empathetic apprence: pedagogical development in aesthetic education of the social practitioner in South Africa*. In *Intergenerational Learning of the Transformative Leadership for Sustainable Future*. Edited by Corcoran PB, Hollingshead BP, Lotz-Sisitka HB, Wals AEJ. Wageningen Academic Publisher.
- [13]Mukute M, 2010. *Exploring and and Expanding in Sustainable Agricucutural Practices in South Arica*. Unpublished PhD. Rhodes University.
- [14]Swilling M, 2013. *Economic crisis, long waves and the sustainability transition: an African perspective*. *Environmemtal Innovation and Societal transition*, 6:96-15.
- [15]Sol J., Wals A.E.J, 2014. *Strenthening ecological mindfulness through hybrid learning in vital coalitions*. *Cutural Studies of Science Education*. DOI. 10.1007/s11422-014-9586-z.
- [16]UNESCO, 2014. *World Water Development Report 2014*. Water and Energy. Paris UNESCO.
- [17]Wals AEJ (Ed), 2007. *Social Learning toward a Sustainable World*. Wageningen Academic Publisher.
- [18]Trần Đức Tuấn, 8/2018. *Tăng cường nghiên cứu học tập chuyển đổi vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH ở ĐBSCL: Vấn đề và triển vọng*. Tham luận tại Hội thảo về *Nghiên cứu học tập chuyển đổi vì phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam và Đồng bằng sông Cửu Long*, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Giáo dục vì sự Phát triển Bền vững (CEREPROD), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

ABSTRACT

Exploring transformative learning in sustainable livelihood models adapting to climate change in the Vietnam Mekong Delta

Tran Duc Tuan¹ và ²Vu Thi Hong Ngoc

¹*Institute of Research and Education for Sustainable Development (IRESD),*

²*Faculty of Basic, The National Collegefor Education*

In the age of globalization and global climate change, the sustainable development has become a target and essential way that a modern society must pursue. Similarly , transformative and transgressive learning have been considered as a strong dynamic and an effective tool to speed up the transition to sustainability in places that are vulnerable to the climate change. This article describes transformative learning in the VACB model (V: Garden-A: Pond- C:Cage-B: Biogas) in My Khanh Commune, Can Tho in the suburbs and outlines some important findings about T-learnings and its contributions to the formation and development of sustainable livelihood models for climate change adaptation in Can Tho.

Keywords: Transformative learning, climate change, sustainable livelihood, agricuttrue transformation to sustainability, sustainability, Vietnam Mekong Delta, VACB model.